TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____	_____

Bản án số: 42/2019/HC-PT
Ngày 11 - 4 - 2019
V/v "*khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông **Lê Ra -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 84/2019/TLPT-HC ngày 18 tháng 01 năm 2019 về "*khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1936; địa chỉ: Số 305 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định – Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Hồ Quốc D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phan Cao T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (*theo văn bản ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 18/9/2018*) – Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Ngô Hoàng N - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định (*theo văn bản ủy quyền số 09/GUQ-UBND ngày 05/6/2018*) – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H ;
- Bà Nguyễn Thị Thúy H1;

Cùng địa chỉ: 305 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà H1: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1936; địa chỉ: 305 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (*theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2017*) – Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H thể hiện:

Thửa đất ông Nguyễn Văn H đang khiếu nại, yêu cầu xem xét lại việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất có nguồn gốc là ông H mua đất vườn của bà Lê Thị C vào ngày 09/9/1987 và xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh đã được Ủy ban nhân dân (*được viết tắt là UBND*) thành phố Q, tỉnh Bình Định có Quyết định số 271/QĐ-UB ngày 09/12/1989 về việc công nhận Cơ sở Thành Lợi.

Năm 1998, khi thực hiện dự án mở đường Q - S, Nhà nước đã thu hồi thửa đất nói trên diện tích 450,24 m^2 nhưng ông H chỉ mới nhận tiền đền bù diện tích 100 m^2 đất ở, phần diện tích còn lại ông H chưa nhận đền bù. Năm 2001, Nhà nước tiến hành cưỡng chế, tháo dỡ công trình xâm phạm thêm diện tích đất của ông H là 59,2 m^2, gây thiệt hại tài sản trên đất là 174.000.000 đồng. Nên ông H yêu cầu bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi chưa bồi thường cho ông H và 01 giếng khoan loại máy khoan đập xoay tự vận hành, động cơ diezel, đường kính 245mm, sâu 45m, cấu trúc giếng ống thép, đường kính 219mm, dày 7mm chưa đền bù từ năm 1998.

Năm 2015, khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh. UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc thu hồi 357,5 m^2 đất và bồi thường theo giá đất nông nghiệp. Phần diện tích bị thu hồi nói trên được ông H sử dụng làm cơ sở kinh doanh ngành nghề dịch vụ khai thác nước ngầm, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và sửa chữa các loại bơm chuyên dùng (*là đất thương mại, dịch vụ*). Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 16 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định và khoản 4 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì việc UBND thành phố Q bồi

thường theo giá đất nông nghiệp đối với diện tích bị thu hồi và không cấp đất tái định cư có mặt tiền 33,8 m để ông ổn định kinh doanh là không phù hợp. Ngày 19/4/2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 2268/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q.

Không đồng ý việc thu hồi đất theo các quyết định nói trên, ông H đã thực hiện việc khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định. Ngày 05/4/2016, Chủ tịch UBNĐ thành phố Q ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H có nội dung không công nhận khiếu nại về việc bồi thường diện tích đất thu hồi theo đất thương mại, dịch vụ và không cấp đất tái định cư có mặt tiền tương xứng 33,8 m chiều ngang cho ông H.

Các Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q; Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Q đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Do đó, ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q và Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Q.

Đồng thời, vào ngày 17/8/2018 ông Nguyễn Văn H có nộp đơn khởi kiện bổ sung với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định vì quyết định này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, ông Nguyễn Văn H còn cung cấp cho Tòa một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, ông H không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

2. Người bị kiện:

- UBND thành phố Q; Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định; người đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện, ông Nguyễn Công Vịnh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày thể hiện:

Theo bản đồ năm 1998 (*dự án đường Q - S*), thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn H thuộc thửa 30, tờ bản đồ 12, diện tích 1.001,8 m^2. Theo bản đồ địa chính lập năm 2000, thuộc thửa 60, tờ bản đồ 32, diện tích 819,8 m^2. Bản đồ đo đạc hiện trạng thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D, thửa đất số 60, tờ bản đồ 32 của hộ ông H có diện tích 795,80 m^2. Trong đó, diện tích thu hồi 357,5 m^2, diện tích còn lại 438,3 m^2.

UBND phường Q xác nhận nguồn gốc đất ông Nguyễn Văn H được bà Lê Thị

C cho lại mảnh đất vườn trồng hoa màu vào ngày 16/11/1987, được UBND phường Q xác nhận. Ông H xây dựng nhà ở sau tháng 11/1987 đến trước ngày 15/10/1993. Ngày 14/3/1994, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H được UBND tỉnh Bình Định cấp sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà với diện tích đất ở 140 m^2. Diện tích thu hồi 357,5 m^2, trong đó:

- Diện tích 106,4 m^2 đất ở trong sổ chứng nhận;

- Diện tích 39,48 m^2 có thể hiện trong sổ chứng nhận (*phạm vi mở rộng đường, phải tháo dỡ - hàng rào*) có nguồn gốc đất vườn sử dụng trước ngày 15/10/1993. Hiện trên đất có hàng rào.

- Diện tích 211,62 m^2 tại 01 phần thửa 60, tờ bản đồ 32, đo đạc năm 2000 có nguồn gốc đất vườn sử dụng trước ngày 15/10/1993. Hiện trên đất có tường rào, mái hiên.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Q, ngày 28/10/2015 UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông H tại Quyết định số 7583/QĐ-UBND như sau:

- Bồi thường đất ở theo sổ chứng nhận diện tích 106,4 m^2;

- Bồi thường, hỗ trợ đất vườn, diện tích 251,1 m^2;

- Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa (*nhà N8, diện tích 48,91 m^2, đặc điểm: nhà 01 tầng, mái fibro xi măng, không trần, nền xi măng, tường xây gạch quét vôi, chiều cao thông thủy 3 m*), vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ khác;

- Đất tái định cư: Giao 01 lô đất tái định cư tại mặt đường quốc lộ 1D, Khu tái định cư Vườn rau, phường N (*lô số 11, diện tích 138,0 m^2*).

Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố thông qua và xét đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố. UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn H do thực hiện giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D như sau: Thu hồi 357,5m^2 (*gồm 106,4m^2 đất ở và 251,1 m^2 đất nông nghiệp*) tại một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ 32.

Ông Nguyễn Văn H không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình ông nên có đơn khiếu nại với nội dung:

"- Năm 1998 mở đường Q - S, Nhà nước đã thu hồi diện tích 507 m^2 (15m x 33,8m) nhưng ông chỉ mới nhận đền bù diện tích 274,4 m^2, diện tích 232,6 m^2 (507m^2 - 274,4m^2) chưa đền bù. Đồng thời, khi thi công đường năm 2001 Nhà nước đã cưỡng chế tháo dỡ công trình xâm phạm vào đất của ông thêm diện tích 59,2 m^2, gây thiệt hại tài sản trên đất là 174 triệu đồng. Do đó, đề nghị tiếp tục bồi thường diện tích chưa bồi thường khi thực hiện mở đường năm 1998 là 291,8 m^2 (232,6 m^2 + 59,2m^2) và 01 giếng khoan loại máy khoan đập xoay tự hành động cơ diezel có đường kính khoan 245mm, sâu 45m, cấu trúc giếng ống thép đường kính 219 mm

dày 7 mm chưa đền bù năm 1998.

- Diện tích thu hồi 357,5m^2, hiện đang sử dụng làm cơ sở kinh doanh ngành nghề dịch vụ khai thác nước ngầm, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và sửa chữa các loại bơm chuyên dùng. Do đó, đề nghị bồi thường đất thương mại, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh và khoản 4 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Diện tích thu hồi là 357,5 m^2, mặt tiền là 33,8 m. Do đó, đề nghị cấp đất tái định cư có mặt tiền tương xứng để ổn định ngành nghề.

- Trên đất thu hồi có 01 giếng khoan công nghiệp trong địa tầng đá trượt cấp 7, đường kính khoan 245mm, sâu 45m, cấu trúc giếng ống thép đường kính 219 mm dày 7 mm. Do đó, đề nghị áp giá bồi thường bằng loại máy khoan đập xoay tự hành động cơ diezel theo định mức của Bộ xây dựng và ca máy theo công bố số 538/UBND-KTN ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh.

- Đề nghị kiểm tra đánh giá lại cấp nhà và xác định lại diện tích nhà bị ảnh hưởng, vì nhà có sê nô máng thượng, có trụ đỡ bê tông cốt thép nhưng phương án áp giá nhà N8 là không đúng. Diện tích nhà là 55,99 m^2 nhưng phương án chỉ tính 48,9 m^2".

Trên cơ sở kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn H, tại Báo cáo số 89/BC-TCT ngày 17/3/2016 của Tổ công tác thành phố, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H như sau: Không công nhận nội dung đơn của ông H khiếu nại, yêu cầu bồi thường diện tích đất thu hồi và tài sản thiệt hại khi thực hiện dự án đường Q - S; bồi thường đất thương mại, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh và khoản 4 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; cấp đất tái định cư có mặt tiền tương xứng 33,8 m chiều ngang do bị ảnh hưởng dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D, vì: *"Trong dự án đường Q – S năm 1998, hộ ông H có đất bị ảnh hưởng 02 giai đoạn. Giai đoạn 01 ông đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng không giao trả mặt bằng đúng chỉ giới. Giai đoạn 02 ông chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và Nhà nước cũng chưa giải phóng mặt bằng giai đoạn 02 đối với hộ ông. Nay thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D bị ảnh hưởng 357,5 m^2, trong đó có 41,9 m^2 đất ông đã nhận bồi thường, hỗ trợ giai đoạn 01 nhưng ông chưa giao trả mặt bằng. Do đó, việc ông H yêu cầu bồi thường diện tích đất thu hồi và tài sản thiệt hại khi thực hiện dự án đường Q - S là không có cơ sở giải quyết.*

Đối với dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D thì theo văn bản số 2932/UBND-KTN ngày 11/7/2014, UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện chính sách bồi thường theo quy định tại Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh về bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên

địa bàn tỉnh. Nên việc ông H đề nghị bồi thường đất thương mại, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh và khoản 4 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là không có cơ sở để giải quyết.

Về đất tái định cư: Hộ ông H có 106,4 m^2 đất đủ kiện bồi thường đất ở. Theo phương án tái định cư tổng thể được áp dụng trong dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D đoạn từ ngã 3 L đến bến xe liên tỉnh, Khu tái định cư Vườn Rau, phường N có diện tích từ 81,0 m^2 đến 120,0 m^2, theo quy hoạch phân lô đã được phê duyệt. Việc ông H đề nghị cấp đất tái định cư có mặt tiền tương xứng 33,8 m ngang là không có cơ sở để giải quyết".

Đối với nội dung ông H kiến nghị trên đất thu hồi có 01 giếng khoan công nghiệp trong địa tầng đá trượt cấp 7, đường kính khoan 245 mm, sâu 45m, cấu trúc giếng ống thép đường kính 219 mm dày 7 mm. ông đề nghị áp giá bồi thường bằng loại máy khoan đập xoay tự hành động cơ diezel theo định mức của Bộ xây dựng và ca máy theo công bố số 538/UBND-KTN ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh: Tại Báo cáo số 89/BC-TCT ngày 17/3/2016 của Tổ công tác thành phố và Thông báo số 316/TB-UBND ngày 21/3/2016 của UBND thành phố đã nêu rõ: Trường hợp ông H cung cấp hồ sơ dự toán và nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đối với giếng khoan công nghiệp như lời ông khai báo thì Tổ công tác sẽ kiểm tra thực tế và báo cáo cho Hội đồng bồi thường xem xét, quyết định. Tuy nhiên, ông H không cung cấp được hồ sơ. Do đó, UBND thành phố không có cơ sở thực hiện.

Đối với nội dung ông H kiến nghị diện tích nhà bị ảnh hưởng do thu hồi đất là 51,83 m^2, có sê nô 5,11 m^2, nhưng chỉ tính 48,9 m^2, đề nghị điều chỉnh tăng diện tích nhà và bổ sung sê nô theo quy định: Tại Báo cáo số 89/BC-TCT ngày 17/3/2016 của Tổ công tác thành phố và Thông báo số 316/TB-UBND ngày 21/3/2016 của UBND thành phố đã thống nhất điều chỉnh tăng diện tích nhà (*từ 48,9 m^2 thành 51,83 m^2*) và bổ sung sê nô 5,11 m^2 UBND thành phố đã phê duyệt phương án bồi thường bổ sung.

Trong dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D, diện tích đất ông Nguyễn Văn H đang sử dụng bị giải phóng mặt bằng là 357,5 m^2. Căn cứ biên bản kiểm tra hiện trường về việc xác định chỉ giới giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 đối với hộ ông H (*biên bản ngày 23/02/2016 có xác nhận của Ban Quản lý công trình giao thông tỉnh*) và hồ sơ kỹ thuật thửa đất giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D thì trong diện tích thu hồi 357,5 m^2 có 41,9 m^2 là đất thuộc phạm vi thu hồi giai đoạn 01 năm 1998 trong dự án đường Q - S, ông H đã nhận tiền nhưng chưa giao trả hết mặt bằng giai đoạn 1.

Đồng thời, theo bảng tính toán giá trị đền bù công trình đường Q - S và văn bản số 90/TL-QLDA ngày 28/6/2001 của Ban quản lý công trình giao thông tỉnh về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H trong dự án đường Q - S như sau:

"Hộ ông H bị ảnh hưởng 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 01 bị ảnh hưởng 238,39 m^2, chủ hộ đã nhận tiền đền bù là 238,39 m^2 (100 m^2 đất ở và 138,39 m^2 đất vườn).

- Giai đoạn 02 bị ảnh hưởng là 359,2m^2, nhưng diện tích đất hợp pháp đủ điền kiện đền bù là 309,21m^2 (lấy tổng diện tích thửa đất được UBND phường Q xác nhận mặt bằng cơ sở xây dựng ngày 16/11/1987 là 891 m^2 trừ diện tích đất nằm ngoài chỉ giới còn lại hộ sử dụng là 343,4 m^2). Diện tích thu hồi giai đoạn 02 đền bù đất vườn, vì giai đoạn 01 đã đền bù hết hạn mức đất ở.

Gia đình ông H nhận tiền đền bù giai đoạn 01 và giao trả mặt bằng nhưng không đúng chỉ giới quy định, đã được UBND phường Q và Ban quản lý công trình giao thông tỉnh nhắc nhở nhưng hộ không chấp hành và thực chất hộ không chấp hành là để tiếp tục khiếu nại đòi đền bù diện tích thu hồi giai đoạn 02 bằng chính sách đất ở mà không đồng ý bồi thường đất vườn".

Do đó, ngày 15/4/2016 UBND thành phố ban hành Quyết định số 2214/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông H diện tích đất vườn 41,9 m^2 (*do thuộc phạm vi thu hồi giai đoạn 01 năm 1998 trong dự án đường Q - S ông H đã nhận tiền nhưng chưa giao trả hết mặt bằng*). Đồng thời, ngày 19/4/2016 UBND thành phố ban hành Quyết định số 2268/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố như sau:

Từ: thu hồi 357,5 m^2, gồm 106,4 m^2 đất ở và 251,1 m^2 đất nông nghiệp tại một phần thửa đất số 60, tở bản đồ 32 thuộc phường Q của hộ ông Nguyễn Văn H, điều chỉnh thành: thu hồi 357,5 m^2, gồm 106,4 m^2 đất ở, 209,2 m^2 đất vườn và 41,9 m^2 đất đã bồi thường trong dự án đường Q - S năm 1998 tại một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ 32 thuộc phường Q của hộ ông Nguyễn Văn H.

Như vậy, việc UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố ban hành các Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn H do thực hiện giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D; Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 về việc điều chỉnh Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố và Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H là đúng quy định pháp luật.

- Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Phan Cao T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trình bày thể hiện:

Ngày 09/9/1987, ông Nguyễn Văn H có mua một thửa đất vườn của bà Lê Thị C với diện tích 990 m^2, việc mua bán giữa hai bên không được chính quyền địa phương ký xác nhận. Nên ngày 20/9/1987, bà Lê Thị C viết giấy cho ông Nguyễn Văn H thửa đất vườn nói trên để lập phân xưởng sản xuất, được UBND phường Q

xác nhận ngày 16/11/1987 với diện tích 891 m^2. Khi giải tỏa lòng đường theo Nghị định 36/CP của Chính phủ thì diện tích thực tế bao nhiêu không rõ, nhưng trong bản kê nộp thuế chỉ có 675 m^2. Thửa đất của gia đình ông Nguyễn Văn H sử dụng nói trên là đất vườn, nằm trong khu vực Nhà nước cấm mua bán, nhưng ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị C đã thỏa thuận mua bán không được chính quyền địa nhương xác nhận.

Năm 1998, thực hiện dự án xây dựng tuyến đường Q - S, Hội đồng giải phóng mặt bằng đường Q - S đã tính toán và bồi thường thiệt hại cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn H với tổng số tiền 113.534.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H đã nhận tiền và ký cam kết từ ngày 11/11/1999 đến ngày 18/11/1999 sẽ tháo dỡ trả mặt bằng để thi công tuyến đường Q - S đúng theo tiến độ. Quá thời gian trên, ông Nguyễn Văn H không thực hiện cam kết, Ban quản lý dự án công trình giao thông và UBND phường Q đã nhiều lần nhắc nhở nhưng gia đình ông H chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Nên ngày 23/5/2001, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã tổ chức lực lượng tháo dỡ hàng rào để thi công tuyến đường.

Không đồng ý với kết quả tính toán bồi thường và việc cưỡng chế của Nhà nước, ông H có đơn khiếu nại đến UBND thành phố Q. Ngày 17/12/2001, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UB giải quyết khiếu nại của ông H với nội dung: Không công nhận toàn bộ khiếu nại của ông H. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Q, ông H khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Định. Trên cơ sở xác minh, kiểm tra của các cơ quan có chức năng, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 về việc giải quyết khiếu nại của ông H với nội dung: Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông H và chấp nhận quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Q, việc đo đạc, tính toán bồi thường của Hội đồng giải phóng mặt bằng đường Q-S thực hiện đúng quy định và việc cưỡng chế giải tỏa để kịp tiến độ thi công là cần thiết và đúng pháp luật.

Do đó, việc ban hành Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là đúng theo quy định của pháp luật.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H , bà Nguyễn Thị Thúy H1, người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà H1 là ông Nguyễn Văn H thống nhất như phần trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân

dân ngày 26/11/2003. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015. Luật Đất đai ngày 29/11/2013. Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011. Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Tố tụng hành chính. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy bỏ các Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định và Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện có kháng cáo là ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp cao tại Đà nẵng xét xử phúc thẩm hủy Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H; Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 và Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định và số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ *Về nội dung vụ án*: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Sau khi nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án vào ngày 30/11/2018. Ngày 13/12/2018, ông Nguyễn Văn H kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là trong thời hạn luật định, do vậy được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H thấy rằng*:

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H (*BL-429*):

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành lấy lời khai của đương sự đối với ông Nguyễn Văn H thể hiện: Vào năm 2005, ông H nhận được Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại đối với ông. Kể từ khi ông H nhận Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 vào năm 2005, cho đến ngày 17/8/2018 ông mới khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định để yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại đối với ông là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H là đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông (*bà*) Nguyễn Văn H do thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh, Bình Định (*đợt 45*) và Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Q về điều chỉnh nội dung Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q:

Tại biên bản đối thoại ngày 18/3/2016, do Phó Chánh thanh tra thành phố Q chủ trì cùng đại diện các ban, ngành thành phố Q; phường Q với ông Nguyễn Văn H thể hiện nội dung kết luận như sau: Diện tích thu hồi hiện nay là 357,5m^2 nhưng có 41,9m^2 là đất đã thu hồi và nhận bồi thường trong dự án Q-S, nhưng chưa giao trả mặt bằng. Do vậy, việc ông đề nghị bồi thường đất thu hồi trong dự án đường Q-S là không có cơ sở. Ủy ban nhân dân thành phố sẽ điều chỉnh giảm phương án bồi thường 41,9m^2... Việc ông đề nghị giao lô có mặt tiền tương xứng 33,8m là không có cơ sở... Về giếng khoan công nghiệp, đề nghị ông cung cấp hồ sơ nghiệm thu đưa vào sử dụng thì sẽ kiểm tra thực tế và tính theo quy định (*BL-144,145*).

Tại Thông báo kết luận buổi đối thoại ngày 18/3/2016 giải quyết đơn của hộ ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: 225 đường T, phường Q, thành phố Q thể hiện: ...Trong dự án đường Q-S năm 1998, hộ ông H có đất bị ảnh hưởng 02 giai đoạn. Giai đoạn 01 ông đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng không giao trả mặt bằng đúng chỉ giới... Nay thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh hộ gia đình ông bị ảnh hưởng 357,5m2, trong đó có 41,9m^2 đất ông đã nhận bồi thường, hỗ trợ giai đoạn 01 nhưng ông chưa giao mặt bằng cho nên Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh phương án bồi thường giảm 41,9m^2 đất thuộc phạm vi thu hồi bồi thường trong dự án đường Q-S (*BL-149*).

Với những nội dung chứng cứ nêu trên thấy rằng, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Q về điều chỉnh nội dung Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q là có căn cứ pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: 225 đường T, phường Q, thành phố Q:

Tại Công văn số 2932/UBND-KTN ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định thì việc áp dụng chính sách bồi thường đối với dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh được Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*BL-517*).

Tại biên bản đối thoại ngày 18/3/2016, do Phó Chánh thanh tra thành phố Q chủ trì cùng đại diện các ban, ngành thành phố Q; phường Q với ông Nguyễn Văn H thể hiện nội dung kết luận như sau: Chính sách bồi thường, hỗ trợ áp dụng trong dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép áp dụng Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Về tái định cư theo phương án tổng thể áp dụng trong dự án và quy hoạch phân lô phê duyệt. Việc ông đề nghị giao lô có mặt tiền tương ứng 33,8m là không có cơ sở. Về giếng khoan công nghiệp, đề nghị ông cung cấp hồ sơ nghiệm thu đưa vào sử dụng

thì sẽ kiểm tra thực tế và tính theo quy định (*BL-144, 145*).

Tại biên bản xác định tình trạng nhà cửa, đất đai và các thiệt hại khác do xây dựng đường Q-S ngày 02/4/1999 (*BL-329*) và tại bảng tính toán giá trị đền bù công trình đường Q-S đối với ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Tổ 15 khu vực 4, phường Q với tổng kinh phí thiệt hại là 113.534.000đ (*BL-328*).

Tại bảng phụ lục danh sách các hộ có đất và tài sản bị giải tỏa được đền bù và hỗ trợ để xây dựng đường Q-S (*gói thầu số 6*) thể hiện số thứ tự 91, ông Nguyễn Văn H giá trị đền bù là 113.534.000đ (*BL-518, 519*) và tại danh sách nhận tiền đền bù, hỗ trợ đất đai và tài sản bị ảnh hưởng do xây dựng đường Q-S (*gói thầu số 6*) thể hiện số thứ tự 22, ông Nguyễn Văn H ký nhận số tiền 113.534.000đ (*BL-516, 517*).

Tại bản tự khai ngày 06/8/2018 của ông Nguyễn Văn H thể hiện: ... tôi tự kê khai gồm có... 113.534.000đ; ... toàn bộ chứng cứ giai đoạn I và giai đoạn II xin bổ sung chứng cứ cho quý tòa san khi cần (*BL-328*).

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định lập biên bản lấy lời khai đối với ông Nguyễn Văn H thể hiện: Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng thực tế phần đất của ông H và hai giếng khoan công nghiệp (*BL-461*).

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành lấy lời khai của đương sự đối với ông Nguyễn Văn H thể hiện: Đối với giếng khoan công nghiệp năm 1998 đã có kinh phí cụ thể được Sở xây dựng tỉnh Bình Định thẩm định và xác nhận, nhưng chưa được bồi thường (*đã có trong hồ sơ*); còn giếng khoan công nghiệp năm 2015 tôi sẽ bổ sung bảng kinh phí và bảng vẽ cấu trúc giếng công nghiệp cho Tòa án trong thời gian sớm nhất (*BL-474*).

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 30 tháng 11 năm 2018, ông Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết đối với giếng khoan giai đoạn 2, không đồng ý tách để khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác (*BL-709*).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Văn H vẫn đề nghị Tòa án giải quyết bồi thường đối với giếng khoan giai đoạn 2, không đồng ý tách để khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác. Nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu bồi thường này là có căn cứ.

Với những nội dung chứng cứ nêu trên thấy rằng, Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q không công nhận nội dung đơn của hộ ông Nguyễn Văn H khiếu nại, yêu cầu bồi thường diện tích đất thu hồi và tài sản thiệt hại khi thực hiện dự án đường Q-S; bồi thường đất thương mại, dịch vụ, cấp đất tái định cư có mặt tiền tương xứng 33,8 m chiều ngang do bị ảnh hưởng dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh là có căn cứ pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018

của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử và quyết định là đúng pháp luật. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Do bác đơn kháng cáo, nên ông Nguyễn Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Căn cứ vào Điều 29; Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015**.** Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015. Luật Đất đai ngày 29/11/2013. Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011. Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy bỏ các Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định và Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H được miễn.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

TRẦN QUỐC CƯỜNG